TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **785** /2018/KDTM-PT
Ngày: 23/8/2018
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**.
Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Phong**
2. Ông **Ngô Thanh Nhàn**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 8 năm 2018 và 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2018/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3031/2018/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH Thương Mại H**

Địa chỉ trụ sở: Số 4 đường HM phường AP,, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Khánh Tr là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018) (có mặt)

2. Bị đơn: **Công ty TNHH SG.**

Địa chỉ trụ sở: 99 KP3, phường TML, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm :

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH SG (sau đây gọi tắt là Công ty SG) có đặt mua của Công ty H nhiều hàng hóa phục vụ cho việc sản xuất đóng tàu của Công ty SG. Hai bên không ký hợp đồng mà chỉ đặt qua đơn hàng và thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng . Ngày 07/7/2017, Công ty SG đã ký xác nhận công nợ với Công ty H nhưng nhiều lần hẹn vẫn không thực hiện việc thanh toán. Nay Công ty H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Công ty SG thanh toán số tiền nợ mua hàng của Công ty H tính từ năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.084.768.025 đồng. Công ty H không yêu cầu tính lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền trên và yêu cầu thanh toán ngay một lần sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đại diện bị đơn – ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có bản khai trình bày: Công ty SG xác nhận số tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty H từ năm 2016 đến nay là 1.084.768.025 đồng. Công ty đang tích cực làm việc với các nhà đầu tư để bổ sung nguồn vốn nên đề nghị Công ty H cho thêm thời gian để Công ty SG thu xếp kế thanh toán hợp lý cho Công ty H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị rút kinh nghiệm vì vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H, thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 72, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 297 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Thương Mại H, buộc bị đơn Công ty TNHH SG thanh toán cho công ty TNHH Thương mại H số tiền 1.084.768.025 đồng. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ khi Công ty TNHH Thương Mại H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty TNHH SG còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/5/2018, Công ty SG có đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm cụ thể: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ bằng tiếng Anh nhưng cấp sơ thẩm đã không yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản dịch hợp pháp bằng tiếng Việt là vi phạm tố tụng. Do vậy đề nghị nguyên đơn cung cấp các đơn đặt hàng đã được dịch thuật và công chứng hợp pháp đồng thời yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm :

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty SG . Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn - Công ty SG lập ngày 09/5/2018 còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty SG về số tiền nợ phát sinh từ các đơn đặt hàng và các phiếu giao hàng. Hai Công ty đều có đăng ký kinh doanh và khi xác lập giao dịch các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận, nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại Quận H, TP. Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận H, TP. Hồ Chí Minh căn cứ điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết là có cơ sở.

[1.2] Về việc vắng mặt của Bị đơn: Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về phần trình bày tại đơn kháng cáo của phía bị đơn cho rằng : Nguyên đơn cung cấp chứng cứ bằng tiếng Anh nhưng cấp sơ thẩm đã không yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản dịch hợp pháp bằng tiếng Việt là vi phạm tố tụng. Xét: Tại nội dung Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận H lập ngày 27/02/2018 thì xác nhận các đơn đặt hàng của bên mua là chứng cứ. Tại bản án sơ thẩm cũng nhận định khoản nợ mà nguyên đơn tranh chấp với bị đơn được phát sinh từ các đơn đặt hàng để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên theo hồ sơ thì các tài liệu bao gồm các đơn đặt hàng này lại được lập bằng Tiếng Anh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 96 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án phải buộc nguyên đơn cung cấp bản dịch sang ngôn ngữ Tiếng Việt và công chứng hợp pháp các đơn đặt hàng nêu trên thì các tài liệu này mới được coi là chứng cứ. Việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận chứng cứ chưa được dịch thuật hợp pháp là vi phạm tố tụng. Kháng cáo về nội dung này của phía bị đơn là có cơ sở. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn đã cung cấp bản dịch hợp pháp đối với các tài liệu nêu trên nên vi phạm này đã được khắc phục. Do vậy các tài liệu này được chấp nhận là chứng cứ hợp pháp được bổ sung tại phiên tòa để cấp phúc thẩm xem xét.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì phía bị đơn đã xác nhận khoản nợ theo các đơn đặt hàng nêu trên với khoản tiền phải thanh toán là 1.084.768.025 đồng và đồng ý thanh toán chỉ xin gia hạn thời gian trả nợ. Xét thấy việc xác nhận nợ của bị đơn cũng phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bao gồm: Các đơn đặt hàng của Công ty SG và các phiếu giao hàng của Công ty HCE từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2017. Do vậy có cơ sở để xác định khoản nợ tiền hàng của bị đơn là 1.084.768.025 đồng và khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn - Công ty SG thanh toán số nợ gốc nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y quyết định này của Bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí :

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 44.543.041 đồng tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.084.768.025 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.312.260 đồng theo biên lai thu số AE/2014/0008593 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn - **Công ty TNHH SG**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH Thương Mại H.** buộc bị đơn **Công ty TNHH SG** thanh toán cho **Công ty TNHH Thương mại H** số tiền **1.084.768.025 đồng** (Một tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày Công ty TNHH Thương Mại H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH SG chưa thi hành án thì người phải thi hành án phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí :

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: :

- Công ty TNHH SG phải chịu án phí là **44.543.041** (Bốn mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm bốn mươi mốt) đồng.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương Mại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **22.312.260** (Hai mươi hai triệu, ba trăm mười hai ngàn, hai trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0008593 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH SG phải chịu là **2.000.000** đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0015170 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận H;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thanh Thủy